

KẾ HOẠCH

Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026; Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 23/02/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Chương trình số 05-CTr/BCĐ ngày 02/3/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về Chương trình công tác năm 2026. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh cung cấp DVCTT, tăng tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được xử lý trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt trên 60%.

- Tổ chức triển khai thực hiện cung cấp DVCTT đồng bộ với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể tại kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP và các kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, cải cách hành chính, chuyển đổi số, triển khai Đề án 06 năm 2026.

2. Yêu cầu:

- Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ có tính đổi mới sáng tạo, hiệu quả, toàn diện; bám sát các mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ về DVCTT cần đảm bảo nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; phát huy tối đa kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ,

ngành Trung ương, địa phương phục vụ giải quyết TTHC một cách hiệu quả, góp phần hiện đại hoá và đơn giản hoá TTHC.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Mục tiêu:

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt **90%**.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt **100%**.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu **60%**.
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt tối thiểu **60%**.
- Hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến đạt **80%** trở lên.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công đạt trên **60%**.
- Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt **100%**.

(Chi tiết chỉ tiêu giao cho các cơ quan, đơn vị tại Phụ lục kèm theo)

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 808/KH-UBND ngày 08/3/2025 của UBND tỉnh triển khai Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh, hướng đến mục tiêu mọi người dân đều được cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến để có khả năng tự sử dụng dịch vụ công trực tuyến một cách thuận tiện, nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu cá thể hóa; tích cực tổ chức triển khai bồi dưỡng, tập huấn đồng bộ đến tận thôn, xóm, Tổ chuyên đổi số cộng đồng để phổ biến, hướng dẫn người dân; đồng thời tích cực tham gia, phản hồi để cơ quan nhà nước nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT.

2.2. Rà soát, chuẩn hóa thông tin TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình, DVCTT một phần và TTHC cung cấp thông tin trực tuyến, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành, công bố theo quy định làm cơ sở triển khai thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Bộ, ngành và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo mô hình “Một cửa số” tập trung, duy nhất (mô hình 5721 về kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh); Công khai, cập nhật, bổ sung kịp thời trên Cổng/Trang thông tin điện tử thuộc phạm vi quản lý, giải quyết theo quy định.

2.3. Thanh toán trực tuyến đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến xã, đồng thời công khai, cập nhật đầy đủ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, các Bộ, Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tập trung thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các hồ sơ trực tuyến có phí, lệ phí.

2.4. Bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, quán triệt đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại bộ phận một cửa các cấp thực hiện nghiêm quy định về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, cấp kết quả điện tử theo quy định. Đồng thời, tiếp tục tăng cường công tác phối hợp, hỗ trợ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện số hóa, lưu trữ, tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC; định hướng tuyên truyền, hỗ trợ và vận động người dân, doanh nghiệp, tổ chức tham gia tạo lập tài khoản định danh điện tử VNeID, sử dụng kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, bảo đảm hoàn thành mục tiêu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và việc lưu trữ, tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC.

2.5. Tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình thực hiện TTHC thông qua kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tái sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu; TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống Bộ, ngành Trung ương và các hệ thống thông tin liên quan.

2.6. Rà soát, đảm bảo 100% cán bộ thực hiện giải quyết TTHC được cấp chữ ký số chuyên dùng công vụ và ký số, số hóa hồ sơ, 100% kết quả giải quyết TTHC được cấp dạng điện tử được cập nhật hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đầy đủ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, tỉnh và lưu vào Kho dữ liệu tổ chức, cá nhân theo quy định.

2.7. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách giảm phí, lệ phí, tích cực tuyên truyền nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, hưởng lợi từ các lợi ích đem lại theo quy định tại Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh¹.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước được giao trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị năm 2026; nguồn xã hội hoá và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

- Chủ động thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và hoàn thành các chỉ tiêu được giao tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này. Chịu trách nhiệm rà soát, theo dõi và triển khai, sử dụng các nội dung liên quan đến cung cấp DVCTT đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết để đảm bảo thống nhất trong toàn tỉnh; kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện (nếu có) để chỉ đạo giải quyết theo quy định.

¹ Về quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Tăng cường giải pháp hỗ trợ, hướng dẫn, truyền thông để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng DVCTT; đẩy mạnh việc thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC tại bộ phận Một cửa các cấp.

- Chỉ đạo nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận, xử lý, giải quyết trực tuyến; đảm bảo 100% TTHC được tiếp nhận và thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các Bộ và trên hệ thống của tỉnh, không để hồ sơ giải quyết chậm, muộn so với quy định.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban liên quan đến giải quyết TTHC triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng DVCTT thuộc phạm vi quản lý.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát kết quả đạt được theo từng tháng, từ đó đưa ra các quyết định, điều hành để triển khai các giải pháp nhằm đạt mục tiêu được giao.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp DVCTT trên địa bàn tỉnh; Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết.

- Quản lý, vận hành và phát triển Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đảm bảo hoạt động thông suốt và đáp ứng các yêu cầu về chức năng, kỹ thuật; tích hợp, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống điều phối, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các Bộ, ngành và các hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương về kết quả triển khai thực hiện theo tháng; kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có) để đạt mục tiêu được giao.

3. Văn phòng UBND tỉnh

- Thực hiện đánh giá, công khai kết quả thực hiện Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVCTT theo thời gian thực trên môi trường điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, các sở, ngành quản lý TTHC và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC dựa trên dữ liệu.

4. Công an tỉnh: Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch; triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06, chiến lược dữ liệu gắn với việc thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng DVCTT trên địa bàn

tỉnh, kịp thời đăng ký tài khoản định danh điện tử để người dân, tổ chức tham gia thực hiện DVCTT.

5. Báo và Phát thanh, truyền hình Cao Bằng, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh: Tăng cường thời lượng, tin bài tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT; tuyên truyền các mô hình, sáng kiến, cách làm hay, gương điển hình trong cung cấp, sử dụng DVCTT; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng phóng sự, video, tin bài để tuyên truyền có hiệu quả, lan tỏa sâu rộng đến tầng lớp nhân dân.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh: Phối hợp triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực, chủ động tiếp cận, sử dụng DVCTT trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ nhiệm vụ giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, địa phương báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp) để kịp thời chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cao Bằng;
- UBND các xã, phường;
- Các cơ quan, đơn vị nêu tại Kế hoạch;
- Viễn thông Cao Bằng;
- VPUB: LĐVP, TTPVHCC, TTTT-HN, CVVX;
- Lưu: VT, VX_(MTT)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hải Hòa

Phụ lục:
CÁC CHỈ TIÊU VỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số **1055** /KH-UBND ngày **09** /4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Căn cứ giao chỉ tiêu
1	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	90%	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
2	Cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	100%	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
3	Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	60%	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	> 60%	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
5	Kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ trên Cổng DVC quốc gia	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	100%	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Căn cứ giao chỉ tiêu
6	Hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	80%	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
7	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	60%	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 27/01/2026